

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08-8-2022
“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Sang và ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1974;

ĐKKHKT: thôn T, xã B, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1970.

ĐKKHKT: thôn T, xã B, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Ông C có mặt, bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:

+ Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương) ngày 29/5/1991. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng 25 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra chiến tranh lạnh kéo dài nhiều năm. Cũng từ đó mà cảm vợ chồng lạnh nhạt, xa cách, công việc của ai người đó làm, kinh tế của ai người đó lo, vợ chồng ly thân nhiều năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn,

không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà L để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Văn Ch, sinh ngày 12/7/1992; Lê Văn L, sinh ngày 05/11/1994 và Lê Thị L, sinh ngày 02/01/2001, hiện nay các con đều đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L, do bà L không có mặt ở nhà nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân nhưng bà L không đến Tòa án làm việc và cũng không có bất cứ ý kiến nào bằng văn bản gửi cho Tòa án. Kết quả làm việc với anh Lê Văn L (là con bà L, ông C) được anh L cung cấp: Ông C, bà L kết hôn với nhau năm 1991, có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, bố mẹ anh chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Cách đây vài năm, tuy ông bà vẫn sống chung nhà nhưng công việc của ai người đó làm, kinh tế của ai người đó quản lý, không còn quan tâm gì đến nhau, sau đó bà L đi làm thuê trên TP Hải Dương ít khi về nhà (chỉ về khi gia đình có công việc). Khi Tòa án giao các văn bản tố tụng, anh đã thông báo cho bà L biết, tuy nhiên bà L có trao đổi với anh việc ông C muốn ly hôn cứ đề nghị Tòa án giải quyết một phía, bà không về. Bà L hay liên lạc với anh nên anh nhất trí nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho bà L biết. Tòa án đã gửi thông về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải gửi cho anh L để thông báo cho bà L tuy nhiên bà L vẫn không về tham gia phiên hòa giải.

- Kết quả làm việc với đại diện UBND xã B và các đoàn thể và chính quyền thôn Ti, xã B đều cung cấp: Ông C, bà L được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (quê bà L). Sau khi kết hôn, ông C, bà L chuyển về sinh sống tại địa phương. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng hơn 20 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà chênh lệch nhau về tuổi tác nên không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Nhiều năm gần đây, bà L liên tục đi bế cháu ở TP Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và sau đó về lại đi làm lao động tự do ở TP Hải Dương chỉ về nhà khi có công việc, còn cụ thể bà L làm gì, ở đâu thì địa phương không nắm được, ông bà ly thân nhiều năm nay. Nay, ông C xin ly hôn bà L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, ông bà có ba người con chung đều đã trưởng thành. Trong giấy khai sinh các con là anh L và chị L do UBND xã cấp ghi tên mẹ là Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L là ghi sai họ và tên của bà L. Nguyên nhân là do cán bộ vào sổ đăng ký khai sinh không kiểm tra kỹ, tên L khi đọc lên nghe không kỹ nên tưởng là Nghiệp. Tuy nhiên dù có ghi Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L thì vẫn chính là bà Lê Thị L và là một người, là mẹ đẻ của anh Lê Văn L và chị Lê Thị L và là vợ của ông Lê Văn C.

- Kết quả làm việc với đại diện UBND xã T và cán bộ tư pháp xã T đều cung cấp: Bà Lê Thị L con cụ Lê Văn Bản và cụ Nguyễn Thị Lài nguyên là công dân ở địa phương. Sau khi kiểm tra sổ lưu đăng ký kết hôn tại địa phương năm 1991 thể hiện tại quyển số 01-1991, UBND xã T có đăng ký kết hôn cho Lê Văn C, sinh năm 1970 và bà Lê Thị L, sinh năm 1972. Thời điểm đăng ký kết hôn, địa phương có căn cứ vào các giấy tờ tùy thân và việc đăng ký kết hôn là đúng pháp luật. Còn sau này ông C, bà L làm giấy tờ tùy thân như căn cước công dân, sổ hộ khẩu như thế nào địa phương không nắm được. Và dù có khác về năm sinh so với căn cước công dân của ông C, bà L hiện nay thì họ đều là một người và chính là vợ chồng hợp pháp của nhau.

Tại phiên tòa, ông C vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Lê Văn C được ly hôn bà Lê Thị L; Về tài sản chung: ông C không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Ông Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị L được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Văn C và bà Lê Thị L kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải Hưng (nay là UBND xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương) ngày 27/5/1991. Mặc dù thời điểm đăng ký kết hôn ông C chưa đủ tuổi, tuy nhiên đến nay ông bà không có ý kiến gì về việc kết hôn. Do đó quan hệ giữa ông C, bà L là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc, hoà thuận được khoảng 25 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, vợ chồng bất đồng quan điểm. Theo ông C trình bày và UBND xã B cung cấp do chênh lệch nhau về tuổi tác nên ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chiến tranh lạnh kéo dài, từ đó tình cảm vợ chồng cứ ngày một lạnh nhạt, xa cách, vợ chồng ly thân nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Căn cứ vào các tài liệu Tòa án thu thập được xác định mặc dù bà L biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của ông C và yêu cầu bà L đến Tòa án làm việc theo các văn bản tố tụng đã được giao cho người thân theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bà L vẫn cố

tình không đến Tòa án làm việc, không gửi tài liệu, chứng cứ thể hiện quan điểm của mình với việc khởi kiện của ông C là gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, không có giải pháp tìm gặp ông C bàn bạc, dàn xếp tình cảm vợ chồng và không có thiện chí đoàn tụ. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa ông C, bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho ông C được ly hôn bà L là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Văn Ch, sinh ngày 12/7/1992; Lê Văn L, sinh ngày 05/11/1994 và Lê Thị L, sinh ngày 02/01/2001, hiện nay các con đều đã trưởng thành, có cuộc sống gia đình riêng, phát triển bình thường nên Tòa án không phải giải quyết.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: ông C không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí: ông Lê Văn C khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Lê Văn C được ly hôn bà Lê Thị L.

2. Về án phí: ông Lê Văn C phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2020/0004482 ngày 20/5/2022.

3. Về quyền kháng cáo: Ông C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bà L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã B, huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã T, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân